TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---

Bản án số: 284/2018/DS-PT
Ngày: 16/11/2018
V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm
Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Lan
Bà Trần Thị Liên Anh
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Ông Nguyễn Mạnh Thắng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2018/TLPT-DS ngày 04/5/2018 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2018/QĐ-PT ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị N; sinh năm: 1952; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Hiện đang thụ án tại Phân trại 2, Trại giam Phú Sơn 4.

Đại diện theo uỷ quyền của bà N là chị Trần Hồng H; sinh năm: 1977; địa chỉ: Số 10B, ngõ 89 phố TH, phường TL, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa

1.2. Bà Trần Thị B; sinh năm: 1938; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu tập thể hưu trí TQ, xã TT, huyện TH, tỉnh D. Vắng mặt tại phiên tòa

1.3. Bà Trần Thị P; sinh năm: 1945; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11 ngõ 180 T, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 8 hẻm 8, ngách 41, ngõ 401 CN2, quận B, Thành phố Hà Nội. Bà P đã chết ngày 02/8/2018.

1.4. Bà Phạm Thuý N; sinh năm: 1948; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 4 MK, phường TĐ, H, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

1.5. Chị Trần Thị Ngọc T; sinh năm: 1969; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 7 ngõ L, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

1.6. Chị Trần Thị Thuý H; sinh năm: 1971; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 4 MK, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

1.7. Anh Trần Quang T; sinh năm: 1976; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 4 MK, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

1.8. Chị Trần Thị Thanh H; sinh năm: 1973; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4 MK, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 286A N phường 1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thuỷ N (tức Trần Thị N); sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 1A ngõ 24 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Ngọc T; sinh năm: 1949; địa chỉ: Số 1A ngõ 24 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà Nguyễn Kim T; sinh năm: 1960; địa chỉ: Kim Hoa, phố X, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P:

4.1. Ông Nguyễn T; sinh năm: 1941. Có mặt tại phiên tòa.

4.2. Chị Nguyễn Thanh B; sinh năm: 1973; trú tại: phòng 114 E4 khu tập thể TL, phường TL, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

4.3. Anh Nguyễn Tuấn A; sinh năm: 198; anh Tuấn Anh và ông Tuấn trú tại: Số 8 hẻm 8, ngách 41, ngõ 401 CN2, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Do có kháng cáo của bà Trần Thuỷ N (tức Trần Thị N) là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tại 171 phố ST, nay là số 39 K, phường K, B, Hà Nội có diện tích 48,51m^2 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của cụ Trần Văn L (chết năm 1969) và cụ Hà Thị M (chết năm 2005). Sinh thời 2 cụ sinh được 05 người con và 01 người con nuôi gồm:

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1938 (con nuôi)

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1942 hy sinh năm 1968 không có vợ con

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1945

- Ông Trần Văn Q, sinh năm 1948, chết năm 1996 có vợ là bà Phạm Thúy N, sinh năm 1948 và các con gồm: các chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1969; chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1971; chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1973; anh Trần Quang T, sinh năm 1976.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1952

- Bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân), sinh năm 1958

Ngoài 06 người con trên các cụ không có con riêng nào khác.

Năm 1996 Nhà nước mở đường Hùng Vương, Cầu Giấy lấy vào phần diện tích nhà 33,4m^2 sau điều chỉnh lấy thêm 46,11m^2, diện tích còn lại là 2,4m^2. Toàn bộ số tiền đền bù cụ Mão đã nhận các con không có thắc mắc gì. Diện tích 2,4m^2, đo thực tế là 4,54m^2 cụ Mão làm ki ốt bán hàng nước, không phải bà N bỏ tiền ra làm. Sau đó cụ Mão cho anh Nguyễn Xuân Trường thuê, cụ trực tiếp thu tiền thuê nhà. Khi cụ Mão còn sống chủ yếu ở với ông Quý đến khi ông Quý mất cụ ở với mẹ con bà Ngà. Bà N khai nuôi cụ Mão là không đúng. Cụ Mão chỉ đến vơi vài ngày rồi lại về nhà bà Ngà. Năm 2005 cụ Mão mất, bà P và bà N trực tiếp thu tiền thuê nhà 06 tháng từ anh Trường với số tiền là 4.200.000 đồng. Sau khi cụ Mão mất được 17 ngày, bà N đưa giấy tờ cụ Mão cho cửa hàng, các bà yêu cầu bà N xuất trình giấy cho cửa hàng nhưng cho đến nay bà N vẫn không xuất trình được. Ủy ban nhân dân phường Kđã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong gia đình cũng đã nhiều lần yêu cầu bà N ngồi lại với nhau để hòa giải nhưng bà N không hợp tác. Do vậy các bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Các bà xin nhận bằng hiện vật chung vào một khối và thanh toán bằng giá trị cho bà N, vì nếu chia hiện vật cho bà N thì bà N không có điều kiện để thanh toán tiền cho các bà. Về công sức bảo quản di sản, các đồng nguyên đơn nhất trí thanh toán cho bà N công sức bảo quản di sản là toàn bộ tiền xây dựng nhà là 33.030.264 đồng.

Bị đơn là bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân) trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của bà P, bà N về nguồn gốc nhà, đất nêu trên cũng như hàng thừa kế thứ nhất của cụ Long, cụ Mão. Diện tích nhà, đất tại 39 Kbao nhiêu m^2 bà không biết, bà chỉ biết khi Nhà nước lấy mở đường thì diện tích còn lại là 2,4m^2; số tiền được đền bù cụ Mão nhận bà không thắc mắc gì. Năm 2002, cụ Mão đã làm giấy cho bà diện tích 2,4m^2 có xác nhận của phường còn người làm chứng, người viết giấy bà không biết nhưng chữ ký là của cụ Mão. Việc cụ Mão viết giấy cho bà là quyền của cụ nên bà không thông báo cho các chị bà biết. Từ năm 1996 đến năm 2003 cụ Mão ở với bà nên bà đã bỏ tiền xây ki ốt. Từ năm 2000 đến năm 2003 cụ Mão cho anh Trường thuê với giá 700.000 đồng/tháng. Từ tháng 9/2003 bà đứng tên cho anh Trường thuê cửa hàng, còn tiền thì cụ Mão thu và sử dụng. Tháng 02/2005 hợp đồng thuê nhà giữa anh Trường và bà hết hạn, bà yêu cầu anh Trường trả lại cửa hàng nhưng anh Trường không trả mà đem tiền trả cho bà Ngà vợ ông Quý. Hiện ki ốt ông bà để không, không cho ai thuê. Tại phiên tòa

sơ thẩm, bà N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày :

Ông Phạm Ngọc Thạch: Tòa án không lấy được lời khai của ông Thạch, các văn bản tố tụng của Tòa đều phải niêm yết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thạch vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Kim Thanh trình bày: Bà bán hoa tại 39 Kchung với bà Trần Thủy N, bà không thuê cửa hàng của bà N, bà đề nghị Tòa làm việc với bà N vì bà không liên quan đến vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/ST-DS ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

- Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của các bà Trần Thị N, Trần Thị B, Trần Thị P, Phạm Thúy N, chị Trần Ngọc T, chị Trần Thị Thúy H, anh Trần Quang T, chị Trần Thị Thanh Huyền.

- Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn L (chết năm 1969), cụ Hà Thị M (chết năm 2005) gồm:

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1938 (con nuôi)

+ Ông Trần Văn Đức, sinh năm 1942 hy sinh năm 1968 không có vợ con

+ Bà Trần Thị P, sinh năm 1945

+ Ông Trần Văn Quý, sinh năm 1948, chết năm 1996 có vợ là bà Phạm Thúy N, sinh năm 1948 và các con gồm: các chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1969; chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1971; chị Trần Thị Thanh Huyền, sinh năm 1973; anh Trần Quang T, sinh năm 1976.

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1952

+ Bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân), sinh năm 1958

- Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Văn L và cụ Hà Thị M để lại là nhà, đất diện tích đo thực tế 4,54m^2 (sau khi đã giải phóng mặt bằng) tại địa chỉ số 171 phố ST, nay là số 39 phố K, phường K, B, Hà Nội có giá trị là 1.622.030.264 đồng.

- Thời điểm mở thùa kế của cụ Trần Văn L năm 1969, thời điểm mở thừa kế của cụ Hà Thị M năm 2005.

- Phân chia giá trị:

+ Các bà Trần Thị B, Trần Thị P, Trần Thị N mỗi người được hưởng 322.210.000 đồng.

+ Bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân) được hưởng 355.240.264 đồng (trong đó có 33.030.264 đồng tiền thanh toán công sức).

+ Thừa kế của ông Trần Văn Quý: Bà Phạm Thúy N (vợ) được hưởng 22.067.500 đồng; các chị Trần Thị Ngọc T, Trần Thị Thúy H, Trần Thị Thanh Huyền và anh Trần Quang T được hưởng 278.075.000 đồng chia chung vào một phần.

- Phân chia bằng hiện vật:

+ Chia cho các bà Trần Thị B, Trần Thị P, Trần Thị N; thừa kế của ông Trần Văn Quý là bà Phạm Thúy N (vợ), các chị Trần Thị Thúy H, Trần Thị Ngọc T, Trần Thị Thanh Huyền, anh Trần Quang T chung vào một khối nhà, đất tại 39 Kcó diện tích là 4,54m^2.

+ Buộc các bà Trần Thị B, Trần Thị P, Trần Thị N; thừa kế của ông Trần Văn Quý là bà Phạm Thúy N (vợ), các chị Trần Thị Thúy H, Trần Thị Ngọc T, Trần Thị Thanh Huyền, anh Trần Quang T cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân) số tiền 355.240.264 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 09/02/2018, bà Trần Thuỷ Ngân (tức Trần Thị Ngân) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bị đơn là bà Trần Thủy N trình bày bà đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với lý do ngày 17/7/20002 mẹ bà là cụ Hà Thị M đã lập giấy tặng cho tài sản cho bà nhà đất tại số 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc T trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P là anh Nguyễn Tuấn Anh trình bày tại phiên tòa ngày hôm nay anh đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại mẫu chữ ký của bà Hà Thị M trong giấy tặng cho tài sản lập ngày 17/7/2002.

Người kề thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P là chị Nguyễn Thanh Bình trình bày chị có nghe mẹ chị kể lại giữa mẹ chị, bà N, bà N và nhưng anh chị em khác có lập giấy tờ thỏa thuận sẽ bán nhà đất đất tại 39 K, B, Hà Nội để chia đều cho mọi người.

Người kề thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P là ông Nguyễn Tuấn trình bày ông thấy giấy tặng cho tài sản lập ngày 17/7/2002 của cụ Mão không tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thấy:

Về hình thức: Bị đơn là bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân) làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng: Trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm thì bà Trần Thị P là một trong các đồng nguyên đơn đã chết ngày 02/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị P là ông Nguyễn Tuấn (chồng bà P), chị Nguyễn Thanh Bình (con gái bà P), anh Nguyễn Tuấn Anh (con trai bà P) tham gia tố tụng.

Trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm ngày 20/7/2018 bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân) có đơn đề nghị định giá lại tài sản; ngày 21/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành định giá lại tài sản đang tranh chấp theo quy định.

Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thủy N:

* Về quan hệ huyết thống: Bố mẹ bà Trần Thủy N là cụ Trần Văn L chết ngày 23/10 (âm lịch) năm 1969 và cụ Hà Thị M chết ngày 17/2/2005.

Hai cụ có 05 người con đẻ và 01 người con nuôi: Bà Trần Thị B, sinh năm 1938 (con nuôi); ông Trần Văn Đức, sinh năm 1942, ông Đức hy sinh năm 1968 không có vợ con; bà Trần Thị P, sinh năm 1945, bà P đã chết ngày 02/8/2018; ông Trần Văn Quý, sinh năm: 1948, ông Quý chết ngày 16/6/1996; bà Trần Thị N, sinh năm 1952; bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân), sinh năm 1958.

Ông Trần Văn Quý có vợ là bà Phạm Thúy N, sinh năm 1948; con gái Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1969; con gái Trần Thị Thúy H, sinh năm 1971; con gái chị Trần Thị Thanh Huyền, sinh năm 1973; con trai anh Trần Quang T, sinh năm 1976.

Bà Trần Thị P có chồng là ông Nguyễn Tuấn, sinh năm 1941; con gái chị Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1973; con trai anh Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1980.

* Về nguồn gốc tài sản tranh chấp là nhà đất tại số 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Theo công văn số 55/TNMT ngày 13/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận B cung cấp: Nguồn gốc nhà, đất tại 39 K(số cũ 171 phố ST), phường K, quận B, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của cụ Hà Thị M có tổng diện tích sử dụng là 48,52 m^2. Năm 1996 thực hiện dự án mở đường Hùng Vương – Cầu Giấy (đoạn bến xe K– Đại sứ quán Thụy Điển) hộ gia đình bà Mão có diện tích nhà đất tại 171 phố ST, phường K(nay là 39 phố K) nằm trong chỉ giới giải

phóng mặt bằng, diện tích giải phóng mặt bằng 41,11 m^2. Tiền đền bù cũng như diện tích tái định cư tại khu 4 ha Phúc Xá, phường Phúc Xá gia đình đã nhận tiền đền bù, diện tích tái định cư và bàn giao diện tích 41,11 m^2 năm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng còn diện tích ngoài chỉ giới là: 2,4 m^2 gia đình quản lý sử dụng. Theo công văn số 997/QLĐT ngày 26/11/2012 của Phòng Quản lý đô thị quận B trả lời khu nhà và đất tại 39 Kkhông đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng (siêu mỏng, siêu méo) trên địa bàn quận thuộc loại 4 thu hồi để sử dụng vào mục đích công cộng (Xây dựng bản tin, giao Ủy ban nhân dân phường quản lý). Trong quá trình giải quyết vụ án diện tích nhà, đất tại 39 Kđo thực tế là 4,54 m^2; theo công văn số 150/UBND ngày 20/09/2018 của Ủy ban nhân dân phường Kcó nội dung: "…Theo hồ sơ lưu tại UBND phường, năm 1996, nhà nước thu hồi đất thực hiện mở đường Hùng Vương – Cầu Giấy, phần diện tích ngoài chỉ giới còn lại sau khi giải phóng mặt bằng là 2,4 m^2. Nhưng hiện nay, diện tích đo thực tế tại địa chỉ 39 K, phường Klà 4,54 m^2. Phần diện tích chênh lệch này do sự khác nhau trong các lần đo (Thời điểm GPMB sử dụng phương pháp đo tay thủ công; thời điểm hiện tại sử dụng phương pháp đo điện tử) và sai số kỹ thuật trong các lần đo đạc. Qua kiểm tra bản đồ địa chính, sau khi thực hiên giải phòng mặt bằng mở đường Hùng Vương – Cầu Giấy, công trình địa chỉ 39 Kchỉ bị cắt xén và vẫn còn tồn tại phần diện tích nhà 01 tầng. Theo trình bày trong qua trình sử dụng, gia đình bà Mão và bà N có tôn tạo thêm một phần diện tích..".

Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định di sản của cụ Trần Văn L và cụ Hà Thị M là nhà đất tại 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội là có căn cứ những cấp sơ thẩm chưa làm rõ có sự chênh lệch về số đo và chưa làm rõ việc tôn tạo di sản trong quá trình các đương sự quản lý sử dụng di sản.

* Về thu thập tài liệu chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn là bà Trần Thủy N có trình bày từ năm 1996 cụ Hà Thị M ở cùng bà N và cụ Mão đã viết giấy cho bà nhà vào năm 2002 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường còn chữ ai viết bà không biết. Các tài liệu, chứng cứ của phía nguyên đơn giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm có cung cấp bản photo giấy tặng cho tài sản với nội dung thể hiện: " …Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2002. Tôi tên là Hà Thị M sinh năm 1914 có hộ khẩu 171 ST – B – Hà Nội. Tôi có một gian nhà diện tích 2,4 m^2 trên phần đất ở còn lại sau sau giải phóng mặt bằng đường 32 ngoài chỉ giới nay là số nhà 39 phố K. Hiện Tôi vẫn minh mẫn nhưng đã quá giá yếu phòng khi Tôi mất, để làm bằng Tôi viết giấy này giao quyền sử dụng duy nhất cho con gái Tôi là Trần Thủy N ở tại 1A ngõ 24 K– B – Hà Nội. Giấy này có giá trị pháp luật như một di chúc thừa kế căn nhà…". Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ và được Ủy ban nhân dân phường Kcung cấp thì Giấy cho tài sản của cụ Hà Thị M cho con gái là Trần Thủy N giấy này là sự thỏa thuận của hai bên nên Ủy ban nhân dân phường Kkhông xác nhận về nội dung tặng cho mà chỉ xác nhận cụ Hà Thị M có hộ khẩu tại số nhà 171 ST nay là 39 K, B, Hà Nội và chỉ xác nhận duy nhất 01 bản đã trả cho người xin xác nhận, không lưu tại phường K. Trong quá trình vụ án tại cấp phúc thẩm bà N xuất trình **Giấy cho tài sản** bản gốc; nội dung của giấy cho tài sản thể hiện như nội dung

tại bản photo mà đương sự đã xuất trình. Đồng thời bà N cũng xuất trình giấy xác nhận của ông Nguyễn Đăng Kẻ nguyên là tổ trưởng tổ 51 phường Kxác nhận về việc cụ Mão có lập giấy cho tài sản bà N. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xem xét giấy cho tài sản lập ngày 17/7/2002 có phải là di chúc của cụ Hà Thị M để lại hay không? Tại phiên tòa phúc thẩm có đương sự có ý kiến xác định lại mẫu chữ ký của cụ Hà Thị M trong giấy cho tài sản lập ngày 17/7/2002; để đánh giá tính hợp pháp của giấy cho tài sản này cần phải được xem xét tại hai cấp Tòa án là cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm; đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm cần phải hủy án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm bà N không phải chịu án phí phúc thẩm, bà N được nhận lại dự phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp chia thừa kế" giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Bà Trần Thị N; sinh năm: 1952; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Hiện đang thụ án tại Phân trại 2, Trại giam Phú Sơn 4.

Đại diện theo uỷ quyền của bà N là chị Trần Hồng H; sinh năm: 1977; địa chỉ: Số 10B, ngõ 89 phố TH, phường TL, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị B; sinh năm: 1938; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu tập thể hưu trí TQ, xã TT, huyện TH, tỉnh D.

- Bà Trần Thị P; sinh năm: 1945; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11 ngõ 180 T, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 8 hẻm 8, ngách 41, ngõ 401 CN2, quận B, Thành phố Hà Nội. Bà P đã chết ngày 02/8/2018.

- Bà Phạm Thuý Ngà; sinh năm: 1948; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 4 MK, phường TĐ, H, Hà Nội.

- Chị Trần Thị Ngọc Thuý; sinh năm: 1969; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 7 ngõ Lò Lợn, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Chị Trần Thị Thuý Hằng; sinh năm: 1971; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 4 MK, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Anh Trần Quang T; sinh năm: 1976; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 4 MK, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Chị Trần Thị Thanh Huyền; sinh năm: 1973; đăn ký hộ khẩu thường trú: Số 4 MK, phường TĐ, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 286A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thuỷ Ngân (tức Trần Thị Ngân); sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 1A ngõ 24 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Ngọc Thạch; sinh năm: 1949; địa chỉ: Số 1A ngõ 24 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Kim Thanh; sinh năm: 1960; địa chỉ: Kim Hoa, phố Xã Đàn, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: 39 phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội.

*** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P:**

- Ông Nguyễn Tuấn; sinh năm: 1941; trú tại: Số 8 hẻm 8, ngách 41, ngõ 401 CN2, quận B, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thanh Bình; sinh năm: 1973; trú tại: phòng 114 E4 khu tập thể TL, phường TL, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Tuấn Anh; sinh năm: 1980; trú tại: Số 8 hẻm 8, ngách 41, ngõ 401 CN2, quận B, Thành phố Hà Nội.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết theo trình tự sơ thẩm theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thủy N (tức Trần Thị Ngân) không phải chịu án phí phúc thẩm, bà N được nhận lại dự phí kháng cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận B theo biên lai số AB/2015/0008058 lập ngày 12/02/2018.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận B ;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Như Lâm